

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VẠN NINH  
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VẠN NINH - TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trừ

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Phạm Tám
2. Ông Hồ Quang Thành

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Việt Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 160/2021/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2021 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/02/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị D sinh năm 1992; nghề nghiệp: buôn bán; Hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở: thôn X, xã N, thị xã H, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Trần Văn Đ sinh năm 1987; trú tại thôn Đ, xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Trong đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 12 tháng 4 năm 2021, các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Đ tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 22/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên kinh cãi, mâu thuẫn nhau, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Đ ghen tuông vô cớ, nghi ngờ không tin tưởng chị D, mỗi lần kinh cãi anh Đ thường đánh chị D. Từ tháng 3 năm 2021 đến nay vợ chồng không còn sống chung với nhau, không quan tâm, chăm sóc nhau.

Nay chị D thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chị yêu cầu Tòa giải quyết ly hôn với anh Trần Văn Đ.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Vợ chồng chị D, anh Đ có hai con chung là Trần Văn T sinh ngày 14/6/2012 và Trần Thị Mỹ V sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay hai con chung đang sống chung với anh Đ. Chị D yêu cầu giải quyết giao 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con một tháng 750.000 đồng X 02 con = 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung của ai.

\* Tại bản tự khai ngày 03 tháng 6 năm 2021 bị đơn anh Trần Văn Đ trình bày: về quan hệ hôn nhân thì anh không đồng ý ly hôn với chị D, về con chung tùy nguyện vọng của hai con muốn sống chung với cha hoặc mẹ thì anh cũng đồng ý theo nguyện vọng của con. Ngoài ra Tòa án không lấy được lời khai của anh Đ, anh Đ vắng mặt không có lý do trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vạn Ninh phát biểu ý kiến như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán đã thực hiện đúng nội dung quy Đ tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy Đ về phiên tòa sơ thẩm; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quy Đ tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn; về con chung để đảm bảo quyền lợi con đề nghị giao cho bị đơn tiếp tục nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung không xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị D yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ, anh Đ có nơi cư trú tại thôn Đ, xã L, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa; nên căn cứ theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa. Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, theo quy Đ tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D, anh Trần Văn Đ kết hôn tự nguyện, đủ điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn ngày ngày 22 tháng 9 năm 2011 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện V, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 93, nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ là hợp pháp.

Việc chị D yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ không đồng ý ly hôn; xét thấy: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn thì vợ chồng chị D, anh Đ trong quá trình chung sống đã xảy ra mâu thuẫn, đến tháng 3 năm 2021 mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng

không còn sống chung, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng tiếp tục chung sống, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không hòa giải được. Nên có cơ sở để khẳng định giữa chị D với anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai người không tìm được giải pháp nào để tiếp tục sống chung với nhau, tình trạng hôn nhân giữa hai vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận yêu cầu này của chị D.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D, anh Đ có hai con chung là Trần Văn T sinh ngày 14/6/2012 và Trần Thị Mỹ V sinh ngày 24/9/2014. Hiện nay hai con chung đang sống chung với anh Đ. Chị D yêu cầu giao 02 con chung cho anh Đ nuôi dưỡng, chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con một tháng 750.000 đồng X 02 con = 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng). Hội đồng xét xử xét thấy: các con chung T, V đang ở chung với anh Đ và đều có nguyện vọng muốn sống chung với anh Đ, anh Đ cũng có ý kiến sẽ nuôi con nếu con có nguyện vọng ở với anh; vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị D giao hai con chung cho anh Đ nuôi dưỡng; chị D đang buôn bán nhưng thu nhập không ổn định nên chị D yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con một tháng 750.000 đồng X 02 con = 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) là phù hợp nên chấp nhận yêu cầu này của chị.

[4] Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu giải quyết không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị D xác nhận vợ chồng không nợ của ai, nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trần Văn Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao hai con chung là Trần Văn T sinh ngày 14/6/2012 và Trần Thị Mỹ V sinh ngày 24/9/2014 cho anh Trần Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

2.2. Chị D cấp dưỡng nuôi con chung mỗi con một tháng 750.000 đồng X 02 con = 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên tháng; cấp dưỡng hàng tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi hai con chung đủ 18 tuổi.

Quy định: Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo quy Đ tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trong quá trình nuôi dưỡng con chung, nếu xét thấy cần thiết chị D, anh Đ có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung cũng như về cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), án phí cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0003057 ngày 29 tháng 4 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vạn Ninh; chị D còn phải nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo của nguyên đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; quyền kháng cáo của bị đơn là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm.

\* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy Đ tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy Đ tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Vạn Ninh ;
- Chi cục THA huyện Vạn Ninh;
- ( Sau khi án có hiệu lực pháp luật)
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã L;
- Lưu vụ án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trừ**